

Bản án số: **462/2024/DS-PT**

Ngày: 22-8-2024

V/v “*Tranh chấp chia thừa
kế QSD đất và yêu cầu hủy
giấy chứng nhận QSD đất*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán:

Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07/5/2024, ngày 03/6/2024, ngày 02/7/2024, ngày 01/8/2024 và ngày 22/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024, về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 260/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Võ Văn M, sinh năm 1961;

1.2. Võ Thị A, sinh năm 1964;

1.3. Võ Thị P, sinh năm 1978 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Võ Thị D, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Võ Thị Đ, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị D, bà Võ Thị Đ: Ông Võ Văn M, sinh năm 1961(có mặt); Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Võ Thị T, sinh năm 1966;

3.2. Võ Thị O, sinh năm 1997;

3.3. Võ Thị H, sinh năm 1992 (có mặt);

3.4. Võ Thị X, sinh năm 2002;

(Bà T, chị O và chị X vắng mặt, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Ủy ban nhân dân huyện H (vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Võ Văn M, bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị D, bà Võ Thị Đ là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Võ Văn M, bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị Đ và bà Võ Thị D (viết tắt là các nguyên đơn) trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do cha mẹ các nguyên đơn là cụ Võ Văn Ú, sinh năm 1931, chết ngày 16/6/2004 và cụ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1936, chết ngày 06/6/2010. Cụ Ú và cụ T1 có tổng cộng là 07 người con gồm: 1. Võ Thị D; 2. Võ Văn M; 3. Võ Thị A; 4. Võ Thị T; 5. Võ Văn Mạnh E (chết vào ngày 26/3/2015, ông E có vợ là bà Nguyễn Thị Đ1 và các con gồm: Võ Thị H, Võ Thị O và Võ Thị X); 6. Võ Thị Đ và 7. Võ Thị P. Khi còn sống cụ Ú và cụ T1 tạo lập được diện tích đất 12.619m², sau khi cụ Ú và cụ T1 chết để lại tài sản gồm: Diện tích đất ở, trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản diện tích theo đo đạc thực tế là 1.478m²; Diện tích đất trồng lúa theo đo đạc thực tế là 584m² và diện tích đất trồng lúa theo đo đạc thực tế là 3.485m², tất cả do ông Võ Văn M Em đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất. Các nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ1 chia đều diện tích đất tranh chấp cho 07 anh em thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ú và cụ T1 cụ thể như sau:

1. Đối với diện tích đất trồng cây lâu năm diện tích 1.478m² thuộc thửa đất số 93, 102, 103 và một phần thửa số 115, tờ bản đồ số 06:

+ Ông Võ Văn M hưởng 211,142m²: Hướng tây ngang mặt tiền giáp lộ đal dài 5,48m; Hướng bắc giáp với đất ông Nguyễn Văn S và ông Châu Văn N dài 38,10m; H1 đông giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,53m; Hướng nam giáp đất bà Võ Thị D dài 38,23m;

+ Bà Võ Thị D hưởng diện tích 211,142m²: Hướng tây giáp lộ đal dài 5,45m; Hướng bắc giáp với đất ông M dài 38,23m; Hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,59m; Hướng nam giáp đất bà A dài 38,36m;

+ Bà Võ Thị A hưởng diện tích 211,142m²: Hướng tây giáp lộ đal dài 5,54m; Hướng bắc giáp với đất bà D dài 38,36m; Hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,45m; Hướng nam giáp đất bà Đ dài 38,49m.

+ Bà Võ Thị Đ hưởng diện tích 211,142m²: Hướng tây giáp lộ đal dài 5,54m; Hướng bắc giáp với đất bà A dài 38,49m; Hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,41m; Hướng nam giáp đất bà Đ1 dài 38,62m;

+ Bà Nguyễn Thị Đ1 hưởng diện tích 211,142m²: Hướng tây giáp lộ đal dài 5,54m; Hướng bắc giáp với đất bà Đ dài 38,62m; Hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,38m; Hướng nam giáp đất bà T dài 38,74m;

+ Bà Võ Thị T hưởng diện tích 211,142m²: Hướng tây giáp lộ đal dài 5,53m; Hướng bắc giáp với đất bà Đ1 dài 38,74m; Hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,35m; Hướng nam giáp đất bà P dài 38,87m;

+ Bà Võ Thị P hưởng diện tích 211,142m²: Hướng tây giáp lộ đal dài 5,52m; Hướng bắc giáp với đất bà T dài 38,87m; Hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,32m; Hướng nam giáp đất ông Lê Văn D1 và ông Nguyễn Văn G dài 39m.

2. Đối với đất trồng lúa diện tích 584m² thuộc một phần thửa 115, tờ bản đồ số 06:

+ Ông Võ Văn M được hưởng 83,428m²: Hướng tây ngang mặt tiền giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,67m; Hướng bắc giáp đất ông Lê Văn H2 dài 14,70m; Hướng đông giáp đất bà Đ1 dài 5,57m; Hướng nam giáp đất bà D dài 14,99m;

+ Bà Võ Thị D được hưởng 83,428m²: Hướng tây ngang mặt tiền giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,51m; Hướng bắc giáp đất ông M dài 14,99m; Hướng đông giáp đất bà Đ1 dài 5,51m; Hướng nam giáp đất bà Võ Thị A dài 15,27m;

+ Bà Võ Thị A được hưởng 83,428m²: Hướng tây ngang mặt tiền giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,41m; Hướng bắc giáp đất bà D dài 15,27m; Hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,41m; Hướng nam giáp đất bà Đ dài 15,54m;

+ Bà Võ Thị Đ được hưởng 83,428m²: Hướng tây ngang mặt tiền giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,32m; Hướng bắc giáp đất bà A dài 15,54m; Hướng đông giáp đất bà Đ1 dài 5,23m; Hướng nam giáp đất bà Đ1 dài 15,81m;

+ Bà Nguyễn Thị Đ1 được hưởng 83,428m²: Hướng tây ngang mặt tiền giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,23m; Hướng bắc giáp đất bà Đ dài 15,81m; Hướng đông giáp đất bà Đ1 dài 5,23m; Hướng nam giáp đất bà T dài 16,08m;

+ Bà Võ Thị T được hưởng 83,428m²: Hướng tây ngang mặt tiền giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,15m; Hướng bắc giáp đất bà Đ1 dài 16,08m; Hướng đông giáp đất bà Đ1 dài 5,15m; Hướng nam giáp đất bà P dài 16,34m;

+ Bà Võ Thị P được hưởng 83,428m²: Hướng tây ngang mặt tiền giáp đất bà Nguyễn Thị Y dài 5,08m; Hướng bắc giáp đất bà Võ Thị T dài 16,34m; Hướng đông giáp đất bà Đ1 dài 5,08m; Hướng nam giáp đất bà Châu Kim N1 dài 16,60m.

3. Đối với đất trồng lúa diện tích 3.485m² thuộc thửa số 571 và một phần thửa 581, tờ bản đồ số 3:

+ Bà Nguyễn Thị Đ1 được hưởng 497,857m²: Hướng tây giáp mương nước dài 14,80m; Hướng bắc giáp đất bà Đ1 dài 32m; Hướng đông giáp đất ông Dương Văn X1 dài 16,10m; Hướng nam giáp đất bà T dài 31,93m;

+ Bà Võ Thị T được hưởng 497,857m²: Hướng tây giáp mương nước dài 15,20m; Hướng bắc giáp đất bà Đ1 dài 31,93m; Hướng đông giáp đất ông Dương Văn X1 dài 15,70m; Hướng nam giáp đất bà D dài 31,92m;

+ Bà Võ Thị D được hưởng 497,857m²: Hướng tây giáp mương nước dài 15,45m; Hướng bắc giáp đất bà T dài 31,92m; Hướng đông giáp đất ông Dương Văn X1 dài 15,45m; Hướng nam giáp đất bà Đ dài 31,92m;

+ Bà Võ Thị Đ được hưởng 497,857m²: Hướng tây giáp mương nước dài 15,30m; Hướng bắc giáp đất bà D dài 31,92m; Hướng đông giáp đất bà D dài 15,60m; Hướng nam giáp đất bà A dài 31,92m;

+ Bà Võ Thị A được hưởng 497,857m²: Hướng tây giáp mương nước dài 15,50m; Hướng bắc giáp đất bà Đ dài 31,92m; Hướng đông giáp đất bà D dài 15,60m; Hướng nam giáp đất ông M dài 31,64m.

+ Ông Võ Văn M được hưởng 497,857m²: Hướng tây giáp mương nước dài 15,70m; Hướng bắc giáp đất bà A dài 31,64m; Hướng đông giáp đất bà D dài 15,70m; Hướng nam giáp đất bà P dài 31,09m;

+ Bà Võ Thị P được hưởng 497,857m²: Hướng tây giáp mương nước dài 15,65m; Hướng bắc giáp đất ông M dài 31,09m; Hướng đông giáp đất bà D dài 16,95m; Hướng nam giáp mương nước dài 29,40m.

Trên diện tích 1.478m² đất ở có nhà phủ thờ, cây trồng và ao thì các nguyên đơn có ý kiến như sau: Đối với nhà phủ thờ thì các nguyên đơn chịu trách nhiệm về chi phí di dời về phần đất của bà Võ Thị T được hưởng và cho bà T quản lý phủ thờ. Các ao thì các nguyên đơn chịu chi phí san lấp. Cá trong ao của bà Đ1 thì yêu cầu bà Đ1 di dời đi nơi khác để san lấp ao. Đối với chuồng bò thì của ai tự di dời đến vị trí đất mình được hưởng. Các cây trồng trên đất thuộc vị trí phần hưởng của ai thì người đó được tiếp tục sử dụng.

Ngoài ra các nguyên đơn có yêu cầu bổ sung với nội dung: Ông Võ Văn M, bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị D, bà Võ Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận QSD đất số 001007/QSDĐ cấp ngày 29 tháng 7 năm 2004 do ông Võ Văn M Em đứng tên giấy chứng nhận QSD đất.

Tại phiên toà sơ thẩm, ông Võ Văn M yêu cầu chia thừa kế QSD đất đối diện tích 12.619m² theo giấy chứng nhận QSD đất mà ông Võ Văn M Em đứng tên sau khi đã trừ các phần diện tích đất mà cụ Ú và cụ T1 đã bán và cho các con.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày: Bà Đ1 là vợ của ông Võ Văn Mạnh E. Trước khi cụ Ú (cha chồng bà Đ1) chết đã cho các nguyên đơn mỗi người một phần đất. Tuy nhiên, các anh chị chồng đã bán cho người khác cụ thể như sau: Ông Võ Văn M đã bán diện tích đất cho ông Châu Văn Đ2, diện tích 2.000m² và giá bán bao nhiêu không rõ; bà Võ Thị A và bà Võ Thị Đ đã bán cho ông Lê Văn H2 diện tích 1.600m²; bà D và bà P để cho ông M canh tác đất của mỗi người 1.000m² nhưng không biết bán hay cho thuê. Ngoài ra, ông M cũng có bán cho ông Đặng Văn L với diện tích 1.000m², giá bao nhiêu không biết. Còn lại thì cụ Ú đã sang tên cho chồng bà là ông Võ Văn M Em đứng tên giấy chứng nhận QSD và canh tác cho đến nay. Nay các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đất tranh chấp đều cho 07 người con, bà Đ1 không đồng ý vì mọi người đã được cha chồng bà Đ1 cho hết rồi. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất bà Đ1 không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T trình bày: Bà là chị ruột của ông Võ Văn Mạnh E, do bà T không có chồng nên bà ở chung hộ với ông Mạnh E. Nay các nguyên đơn yêu cầu chia đất và hủy giấy chứng nhận QSD đất bà T không đồng ý. Bà T cũng không tranh chấp gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị H và chị Võ Thị O trình bày: Chị H và chị O là con ruột của ông Võ Văn Mạnh E và bà Nguyễn Thị Đ1. Chị H và chị O không thống nhất theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ1, chị Võ Thị H, chị Võ Thị O, chị Võ Thị X (là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Võ Văn M Em) chia thừa kế theo giá trị đối với QSD đất phần diện tích 1.570m² thuộc một phần các thửa 571, 581, tờ bản đồ 3; diện tích 492m² thuộc thửa 93, tờ bản đồ số 6; diện tích 341m² thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 6; diện tích 552m² thuộc thửa 103, tờ bản đồ số 6; diện tích 652m² thuộc thửa 115, tờ bản đồ số 6, tất cả tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

1.1. Ông Võ Văn M được hưởng phần di sản tương ứng với số tiền là 41.091.000 đồng (bốn mươi một triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng).

1.2. Bà Võ Thị A được hưởng phần di sản tương ứng với số tiền là 41.091.000 đồng (bốn mươi một triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng).

1.3. Bà Võ Thị P được hưởng phần di sản tương ứng với số tiền là 41.091.000 đồng (bốn mươi một triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng).

1.4. Bà Võ Thị D được hưởng phần di sản tương ứng với số tiền là 41.091.000 đồng (bốn mươi một triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng).

1.5. Bà Võ Thị Đ được hưởng phần di sản tương ứng với số tiền là 41.091.000 đồng (bốn mươi một triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng).

1.6. Bà Nguyễn Thị Đ1, chị Võ Thị H, chị Võ Thị O, chị Võ Thị X được QSD đất phần diện tích 1.570m² thuộc một phần các thửa 571, 581, tờ bản đồ 3; diện tích 492m² thuộc thửa 93, tờ bản đồ số 6; diện tích 341m² thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 6; diện tích 552m² thuộc thửa 103, tờ bản đồ số 6; diện tích 652m² thuộc thửa 115, tờ bản đồ số 6, tất cả tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Võ Văn M, bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị D, bà Võ Thị Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ1 chia thừa kế bằng QSD đất.

3. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Võ Văn M, bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị D, bà Võ Thị Đ về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông Võ Văn M Em.

4. Buộc ông Võ Văn M di dời căn nhà diện tích 35m² được cất trên thửa đất số 102, tờ bản đồ số 6, tọa lạc xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về chi phí thẩm định và chi phí giám định:

5.1. Buộc các nguyên đơn bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị D, bà Võ Thị Đ có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn ông Võ Văn M số tiền 1.602.000 đồng (một triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng).

5.2. Buộc bà Nguyễn Thị Đ1, chị Võ Thị H, chị Võ Thị O, chị Võ Thị X có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn ông Võ Văn M số tiền 3.204.000 đồng (ba triệu hai trăm lẻ bốn nghìn đồng).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Bà Nguyễn Thị Đ1, chị Võ Thị H, chị Võ Thị O, chị Võ Thị X phải chịu 4.109.000 đồng (bốn triệu một trăm lẻ chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Bà Võ Thị A phải chịu án phí sơ thẩm là 2.054.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.218.000 đồng, theo biên lai thu số BN/2013/00762 ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, bà A còn phải nộp tiếp là 836.000 đồng.

6.3. Bà Võ Thị P phải chịu án phí sơ thẩm là 2.054.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.218.000 đồng, theo biên lai thu số BN/2013/00760 ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, bà P còn phải nộp tiếp là 836.000 đồng.

6.4. Bà Võ Thị Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 2.054.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.218.000 đồng, theo biên lai thu số BN/2013/00761 ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, bà Đ còn phải nộp tiếp là 836.000 đồng.

6.3. Ông Võ Văn M, bà Võ Thị D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Văn M được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.218.000 đồng, theo biên lai thu số BN/2013/00759 ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự; bà Võ Thị D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 1.218.000 đồng, theo biên lai thu số BN/2013/00763 ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự

7. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 13/3/2023 các nguyên đơn ông Võ Văn M, bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị D và bà Võ Thị Đ không thống nhất bản án sơ thẩm, nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Võ Văn M đồng thời đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị D và bà Võ Thị Đ (còn viết tắt là các nguyên đơn) trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất tranh chấp 5.547m² theo Sơ đồ đo đạc là di sản của cụ Võ Văn Ú và cụ Nguyễn Thị T1 chết để lại bằng hiện vật cho 07 người con của cụ Ú và cụ T1 (trong đó có các nguyên đơn). Ngoài ra, ông M cung cấp thêm thông tin anh Võ Văn Hoài H3 và anh Ngô Văn V là con ruột của ông Võ Văn Mạnh E, do ông Mạnh E chung sống với bà Võ Thị D2 có 01 người con chung là Võ Văn Hoài H3, sinh năm 1986 (thể hiện theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Công an xã L ngày 03/8/2024) và ông Mạnh E chung sống với bà Ngô Thị G1 có 01 người con chung là Ngô Văn V, sinh năm 1991 (thể hiện theo giấy khai sinh của anh Ngô Văn V đăng ký ngày 17/10/1997, cấp bản sao ngày 05/9/2023), nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyền lợi của họ trong vụ án này. Ông M cam đoan anh H3 và anh V là con ruột ông Mạnh E, nếu sai ông M hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày: Không thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, bà Đ1 chỉ thống nhất chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của cụ Võ Văn Ú và cụ Nguyễn Thị T1 chết để lại cho các nguyên đơn giá trị bằng tiền theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Bà Đ1 yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị H trình bày: Thống nhất trình bày và yêu cầu của mẹ chị H là bà Nguyễn Thị Đ1 như nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của các nguyên đơn ông Võ Văn M, bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị D và bà Võ Thị Đ thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, do Tòa án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung mà Tòa án phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Do hủy án sơ thẩm nên không xem xét các nội dung còn lại của bản án và kháng cáo của các nguyên đơn ông Võ Văn M, bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị D và bà Võ Thị Đ (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án số: 260/PB-VKS-DS ngày 22/8/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng quy định tại khoản 5, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm các nguyên đơn ông Võ Văn M, bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị D và bà Võ Thị Đ không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc ông M, bà A, bà P, bà D và bà Đ nộp đơn kháng cáo ngày 13/3/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự bà Võ Thị T, chị Võ Thị O, chị Võ Thị X và đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện H vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cụ Võ Văn Ú (đã chết ngày 16/6/2004 ÂL nhằm ngày 01/8/2004 DL) và cụ Nguyễn Thị T1 (đã chết ngày 06/5/2010) chung sống có 07 người con chung là bà Võ Thị D, ông Võ Văn M, bà Võ Thị A, bà Võ Thị T, ông Võ Văn Mạnh E (đã chết ngày 26/3/2015), bà Võ Thị Đ và bà Võ Thị P. Trong thời gian chung sống cụ Ú và cụ T1 có tạo lập được diện tích đất 12.619m², bao gồm các thửa 93, 102, 103, 115, tờ bản đồ số 6; các thửa 571, 581, 692, tờ bản đồ

số 6, tất cả tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vào ngày 22/7/2004, cụ Ú và cụ T1 cùng các thành viên trong hộ là bà Võ Thị T, bà Võ Thị P và bà Nguyễn Thị Đ1 (vợ ông Manh E) thống nhất làm Tờ uỷ quyền thay người đại diện đứng tên giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho hộ nay đã già yếu, với nội dung uỷ quyền lại cho ông Võ Văn M Em đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho hộ. Đến ngày 29/7/2004, UBND huyện H ban hành Quyết định số: 3750/QĐ-UBND về việc thu hồi và cấp lại giấy chứng nhận QSD đất do người đứng tên trong giấy chứng nhận được cấp nay đã già yếu, đồng thời cấp lại cho ông Võ Văn M Em giấy chứng nhận QSD đất. Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế QSD đất đối diện tích 12.619m² theo giấy chứng nhận QSD đất mà ông Võ Văn M Em đứng tên sau khi trừ các phần diện tích đất cụ Ú, cụ T1 đã chuyển nhượng và cho các con. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ1 là vợ của ông Võ Văn M Em không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bởi vì khi cụ Ú, cụ T1 còn sống đã phân chia đất cho các con xong trong đó có các nguyên đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bà T không tranh chấp gì trong vụ án. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp giữa các đương sự về chia thừa kế QSD đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án sơ thẩm nhận định đất tranh chấp là di sản của cụ Võ Văn Ú và cụ Nguyễn Thị T1 là có cơ sở. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm không xem xét hết hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ Văn Manh E (đã chết vào ngày 26/3/2015) để đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thừa nhận trước khi ông Võ Văn M Em chung sống với bà Nguyễn Thị Đ1 (ông Manh E và bà Đ1 có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2002) có 03 con chung gồm: Võ Thị O, sinh năm 1997, Võ Thị H, sinh năm 1992 và Võ Thị X, sinh năm 2002 thì ông Manh E còn chung sống với người vợ đầu tiên là bà Võ Thị D2 (ông Manh E và bà D2 chung sống không có đăng ký kết hôn, đã tự ly hôn), ông Manh E và bà D2 có 01 người con chung là anh Võ Văn Hoài H3. Ngoài ra, ông Manh E còn chung sống với người vợ thứ hai là bà Ngô Thị G1 (ông Manh E và bà G1 chung sống không có đăng ký kết hôn, đã tự ly hôn), ông Manh E và bà G1 có 01 người con chung là anh Ngô Văn V.

Tại Tòa án phúc thẩm anh Võ Văn Hoài H3 và anh Ngô Văn V cung cấp lời khai trình bày lý do các anh không yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần thừa kế của cha anh là ông Manh E được hưởng từ cụ Ú và cụ T1 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự (Tòa án sơ thẩm) là vì các anh không hay biết, Tòa án sơ thẩm không có triệu tập anh H3 và anh V hỏi ý kiến nên các anh không biết. Tại Tòa án phúc thẩm anh H3 và anh V yêu cầu Tòa án xem xét cho các anh và mẹ các anh được hưởng phần riêng với phần được hưởng của bà Đ1 và các con của bà Đ1 theo quy định của pháp luật đối với phần được hưởng thừa kế của ông Manh E. Đối với bà Võ Thị D2 là mẹ của anh Võ Văn H4

H3 và bà Ngô Thị G1 là mẹ của anh Ngô Văn V cung cấp Bản tự khai ngày 12/8/2024 cho Tòa án thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của anh H3 và anh V chia theo pháp luật phần thừa hưởng của ông Võ Văn M Em đối với di sản của cụ Ú và cụ T1.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người con của ông Manh E là anh H3 và anh V, cũng như không đưa bà D2 và bà G1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để hỏi rõ họ có yêu cầu gì đối với di sản của cụ Ú và cụ T1 chết để lại trong vụ án này hay không là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Do Tòa án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm là phù hợp.

Xét thấy theo các Đơn khởi kiện do các nguyên đơn nộp cho Tòa án và trình bày của các đương sự tại Tòa án sơ thẩm đều xác định ông Võ Văn M Em chỉ có vợ là bà Nguyễn Thị Đ1 và có 03 con chung chị Võ Thị O, chị Võ Thị H và chị Võ Thị X. Chỉ đến Tòa án phúc thẩm thì mới trình bày bổ sung việc ông Manh E có chung sống với bà Võ Thị D2 có một người con chung là anh Võ Văn Hoài H3 và chung sống với bà Ngô Thị G1 có một người con chung là anh Ngô Văn V, nên cũng có một phần lỗi từ phía đương sự, nên lỗi không hoàn toàn từ Tòa án sơ thẩm do phát sinh tình tiết mới.

[4] Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Do án sơ thẩm bị hủy, nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn ông Võ Văn M, bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị D và bà Võ Thị Đ.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Do án sơ thẩm bị hủy nên các nguyên đơn ông Võ Văn M, bà Võ Thị A, bà Võ Thị P, bà Võ Thị D và bà Võ Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

2. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Võ Thị A, bà Võ Thị P và bà Võ Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 đồng, theo 03 biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004295, 0004296, 0004297 cùng ngày 13/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Võ Văn M và bà Võ Thị D do thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí, nên đã được xét miễn tạm ứng án phí và dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự ;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự ;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi